

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU
CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Nông nghiệp ; Chuyên ngành: Di truyền và Chọn giống cây trồng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ ĐỨC THẢO

2. Ngày tháng năm sinh: 24/6/1974; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 183 Hoàng Văn Thái, Tổ 23, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Lê Đức Thảo, Viện Di truyền Nông nghiệp, đường Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0983274858;

E-mail: Leducthao@agi.vaas.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1998 đến năm 2004: Nghiên cứu viên, Bí thư Đoàn TNCSHCM Viện Di truyền Nông nghiệp, UVBCH Đoàn Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Từ năm 2004 đến năm 2008: Phụ trách Trạm thực nghiệm Sa Pa, Bí thư Đoàn TNCSHCM Viện Di truyền Nông nghiệp, UVBCH Đoàn Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Từ năm 2009 đến năm 2012: Phó Trưởng Bộ môn Đột biến và Ưu thế lai, Viện Di truyền Nông nghiệp.

- Từ năm 2012 đến tháng 9/2013: Quyền Trưởng Bộ môn Đột biến và Ưu thế lai, Viện Di truyền Nông nghiệp.

- Từ tháng 10/2013 đến tháng 12/2019: Trưởng Bộ môn Đột biến và Ưu thế lai, Viện Di truyền Nông nghiệp.

- Từ tháng 6/2019 đến nay: Phó Viện trưởng Viện Di truyền Nông nghiệp

Chức vụ hiện nay: Phó Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Di truyền Nông nghiệp

Địa chỉ cơ quan: Đường Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (hướng dẫn NCS, HVCH); Học viện Nông nghiệp Việt Nam (giảng dạy ĐH, SDH; hướng dẫn SV); Đại học Phương Đông (giảng dạy ĐH); Đại học Hùng Vương (giảng dạy SDH).

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 01 năm 1997, ngành: Nông học, chuyên ngành: Bảo vệ thực vật

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Nông nghiệp I Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 8 năm 2004, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Di truyền và Chọn giống cây trồng

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Nông nghiệp I Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

- Được cấp bằng TS ngày 09 tháng 3 năm 2011, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Di truyền và Chọn giống cây trồng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Khoa học
Nông nghiệp Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:
HĐGS liên ngành Nông nghiệp – Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu chọn tạo giống và công nghệ sản xuất hoa
- Nghiên cứu chọn tạo giống và biện pháp kỹ thuật sản xuất cây đậu tương
- Ứng dụng phương pháp đột biến kết hợp với công nghệ sinh học trong chọn tạo giống cây trồng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp nhà nước; 02 đề tài NCKH cấp tỉnh;
- Đã công bố 45 bài báo KH, trong đó 05 bài báo KH trên tạp chí quốc tế;
- Đã được công nhận 08 giống cây trồng và 02 Tiến bộ kỹ thuật;
- Số lượng sách đã xuất bản: 01 , trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Nông nghiệp);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

15.1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2015	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	QĐ số 119/QĐ-KHNN-TĐ ngày 02/02/2016 của Viện KHNN Việt Nam
2016	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	QĐ số 36/QĐ-KHNN-TĐ ngày 18/01/2017 của Viện KHNN Việt Nam
2017	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	QĐ số 60/QĐ-KHNN-TĐ ngày 26/01/2018 của Viện KHNN Việt Nam

2018	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	QĐ số 78/QĐ-KHNN-TĐ ngày 27/02/2019 của Viện KHNN Việt Nam
2019	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	QĐ số 47 /QĐ-KHNN-TCHC ngày 21/01/2020 của Viện KHNN Việt Nam
2020	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	QĐ số 52/QĐ-KHNN-TCHC ngày 29/01/2021 của Viện KHNN Việt Nam

15.2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2004	Huy chương "Vì thế hệ trẻ"	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
2008	Bằng khen của Đoàn Khối các cơ quan Trung ương	QĐ số 89 QN/KT ngày 14/1/2009 của Đoàn TNCS HCM Khối các cơ quan Trung ương
2008	Bằng khen Công đoàn NN và PTNT Việt Nam	QĐ số 103, ngày 02/03/2009 của BCH Công đoàn NN và PTNT Việt Nam
2012	Giấy khen Giám đốc VAAS	QĐ số 108, ngày 21/1/2013 của Giám đốc Viện KHNN Việt Nam
2013	Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn"	QĐ số 52/QĐ-TLĐ ngày 10/1/2014 của BCH Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam
2013	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	QĐ số: 1446/QĐ-BNN-TCCB, ngày 27/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2014	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	QĐ số: 2368/QĐ-BNN-TCCB, ngày 22/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2015	Bằng khen Công đoàn NN và PTNT Việt Nam	QĐ số 107, ngày 03/02/2016 của BCH Công đoàn NN và PTNT Việt Nam
2016	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn giai đoạn 2015-2016	QĐ số 2937/QĐ-BNN-TCCB ngày 6/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2018	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn giai đoạn 2017-2018	QĐ số 2418/ QĐ-BNN-TCCB ngày 25/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn

2020	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH và CN giai đoạn 2016-2020	QĐ số 3776/ QĐ-BKHCN ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
2020	Bằng Lao động sáng tạo	QĐ số 1572/QĐ-TLĐ ngày 10/11/2020 của BCH Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
2020	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020	QĐ số 5354/ QĐ-BNN-TCCB ngày 29/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2020	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	QĐ số 2122/ QĐ-TTg ngày 17/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Qua quá trình công tác nghiên cứu và tham gia giảng dạy, tôi tự nhận thấy mình có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt, vững vàng về chuyên môn và nghiệp vụ, tâm huyết với nghề, có tinh thần hợp tác trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, có tinh thần nhiệt tình giúp đỡ đồng nghiệp, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh, có đủ sức khỏe để giảng dạy và nghiên cứu, lý lịch bản thân rõ ràng, đủ tiêu chuẩn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 07 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2006-2007					90		90/150/140
2	2007-2008					90		90/150/140

3	2008-2009					90		90/150/140
4	2009-2010					90		90/150/140
03 năm học cuối								
5	2018-2019		01			52	55	107/156,9/135
6	2019-2020					90	10	100/171,8/135
7	2020-2021				02	118	70	188/269,9/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : Tiếng Anh (Môn học CNSH trong chọn tạo giống Cây trồng)

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Nông nghiệp Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Tiếng Anh C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Mạnh		HVCH	Chính		2013-2015	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	25/5/2015
2	Phạm Thị Mai		HVCH	Chính		2013-2015	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật	27/3/2017
3	Nguyễn Văn Mạnh	NCS			Phụ	2015-2019	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	30/12/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Kỹ thuật sản xuất một số loại hoa	HD	NXB Nông nghiệp, năm 2011	07	GS.TS. Lê Huy Hàm		QĐ số 329/QĐ-KHNN-TTĐT ngày 26/5/2021

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1.	Thu thập, bảo tồn, đánh giá nguồn gen cây hoa, cây cảnh miền Bắc Việt Nam	Tham gia	Cấp Bộ	1996-1998	1998/ Đạt
2.	Thu thập, bảo tồn, đánh giá nguồn gen cây hoa, cây cảnh miền Nam Việt Nam	Tham gia	Cấp Bộ	1998-2000	2001/ Đạt
3.	Nghiên cứu tuyển chọn các loài hoa ôn đới phù hợp với vùng Sa Pa, Lào Cai	Tham gia	Cấp Tỉnh	2001-2002	2002/ Đạt
4.	Phát triển một số giống hoa chất lượng cao giai đoạn 2001–2003	Tham gia	Cấp Bộ	2001-2003	2003/ Đạt
5.	Nghiên cứu chọn tạo giống và xây dựng quy trình kỹ thuật các giống hoa mới có giá trị (Phong lan, địa lan, cúc, hồng, lay ơn)	Tham gia	Cấp Bộ	2001-2005	2005/ Đạt
6.	Nghiên cứu hoàn thiện và phát triển giống hoa cúc CN01 và CN20 chất lượng cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	Tham gia	DASXTN Cấp Bộ	2006-2007	2007/ Đạt
7.	Nghiên cứu chọn tạo giống và kỹ thuật sản xuất tiên tiến một số loài hoa chủ lực có chất lượng cao, phục vụ nội tiêu và xuất khẩu (Hoa Hồng, Cúc, Lily và Lan cắt cành)	Tham gia	Cấp Bộ	2006-2010	2010/ Đạt

8.	Phát triển giống hoa có chất lượng cao.	Tham gia	Cấp Bộ	2006-2010	2010/ Đạt
Sau khi được công nhận TS					
9.	Hỗ trợ ngành trồng hoa Việt Nam "Assistance to the floriculture sector" TCP/VIE/3203 (D)	Thực hiện chính	Dự án HTQT (FAO tài trợ)	2010-2012	2012/ Đạt
10.	Nghiên cứu phát triển sản xuất hoa trồng thâm, trồng chậu phục vụ tiêu dùng và trang trí cảnh quan tại Sapa – Lào cai	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2011	2011/ Đạt
11.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bức xạ kết hợp với công nghệ sinh học để tạo vật liệu khởi đầu cho chọn tạo giống hoa và giống đậu tương	Chủ nhiệm	Cấp Nhà nước KC.05/11-15	2012-2015	2015/ Khá
12.	Sản xuất thử 02 giống đậu tương DT2008 và DT51	Thư ký	Cấp nhà nước KC.06/11-15	2014-2015	2015/ Đạt
13.	Phát triển giống đậu tương chịu hạn	Tham gia	HTQT (IAEA tài trợ)	2012-2015	2015/ Đạt
14.	Bảo tồn nguồn gen cây hoa cây cảnh	Tham gia	Đề tài nhánh	2011 - 2019	2019/ Đạt
15.	Chọn tạo giống đậu tương qua trao đổi nguồn gen và CNSH	Chủ nhiệm	HTQT (hợp tác Ac hen ti na)	2016-2019	2019/ Đạt
16.	ĐT nhánh: Nghiên cứu chọn tạo giống đậu tương cho các tỉnh phía Bắc	Chủ nhiệm	Cấp Bộ	2017 - 2021	Chưa nghiệm thu
17.	Nghiên cứu khả năng thích ứng và phát triển một số giống đậu tương mới trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Chủ nhiệm	Cấp Tỉnh	2018-2019	2019/Khá
18.	ĐT nhánh: Nghiên cứu chọn tạo giống lạc có hàm lượng dầu cao	Chủ nhiệm	Cấp Bộ	2019 - 2023	Chưa nghiệm thu
19.	Tuyển chọn và phát triển một số giống hoa hồng nhập nội, tạo	Chủ nhiệm	Cấp Tỉnh	2019-2020	2020/ Đạt

	nguồn giống mới cho làng nghề trồng hoa, phục vụ phát triển cảnh quan du lịch Thành phố Ninh Bình.				
20.	Nghiên cứu phát triển một số giống hoa hồng Bungari trồng chậu phục vụ du lịch tại tỉnh Lào Cai	Tham gia	Cấp Tỉnh	2019 - 2021	2021/ Đạt
21.	Sản xuất thử giống đậu tương DT2010 tại các tỉnh phía bắc	Chủ nhiệm	Cấp Bộ	2019 - 2021	Chưa nghiệm thu
22.	Enhancing Crop Productivity and Quality through Mutation by Seed Breeding (RCA). (RAS/5/088)	Điều phối viên QG	Dự án HTQT RCA (IAEA)	2021- 2024	Chưa nghiệm thu

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ tiến sĩ									
1.	Kết quả đánh giá một số giống cẩm chướng nhập nội	3	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			7	960-962	2004
2.	Nghiên cứu quy trình nhân giống hoa cẩm chướng SP1 (<i>Dianthus caryophyllus</i> Topaz) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào.	3	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			1	26-31	2008
3.	Kết quả nghiên cứu và tuyển chọn một số giống cẩm chướng đơn (Standard carnation) nhập nội	5	Chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt nam			2(7)	31-35	2008

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	tại Sapa – Lào cai								
4.	Kết quả nghiên cứu và tuyển chọn một số giống Cẩm chướng chùm (Spray carnation) nhập nội tại Sa Pa - Lào Cai	4	Chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			2 (11)	13-18	2009
5.	Nghiên cứu quy trình nhân giống hoa Cẩm chướng SP25 (<i>Dianthus caryophyllus</i> Make up) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào	4	Chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			2 (11)	76-80	2009
6.	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật nhân giống cho các loài hoa trồng thảm mới nhập nội, phục vụ trang trí cảnh quan	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			4 (13)	59-64	2009
7.	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống hoa violet Châu Phi (<i>Saintpaulia</i>) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào	2	Chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			4 (13)	53-58	2009
8.	Nghiên cứu giá thể trồng và dinh dưỡng sau <i>in vitro</i> cho cây hoa Hồng Môn (<i>Anthurium tropical</i>)	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			4 (13)	140-145	2009
9.	Ứng dụng kỹ thuật chiếu xạ <i>In vitro</i> bằng tia gamma trong chọn tạo giống hoa Cẩm chướng	2	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			9	9-13	2009
10.	Kết quả nghiên cứu và sản xuất thử giống	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát			12	36-41	2009

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	hoa lan Hồ điệp HL3 (<i>Phalaenopsis amabilis</i> Stockhon)			triển nông thôn					
Sau khi bảo vệ tiến sĩ									
11.	Quy trình kỹ thuật trồng hoa cúc	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			8	21-26	2012
12.	Quy trình kỹ thuật trồng hoa hồng	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			8	26-31	2012
13.	Quy trình kỹ thuật trồng hoa cẩm chướng	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			8	31-36	2012
14.	Quy trình kỹ thuật trồng hoa Lily	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			8	36-40	2012
15.	Quy trình kỹ thuật trồng hoa đồng tiền	7		Tạp chí Khoa học và công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			8	40-44	2012
16.	Sâu bệnh hại hoa và biện pháp phòng trừ	7		Tạp chí Khoa học và công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			8	44-47	2012
17.	Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống đậu tương DT2010	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			1	122-127	2014
18.	Kết quả đánh giá một số dòng đậu tương triển vọng từ tổ hợp lai DT2008 x DT99	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			1	128-131	2014
19.	Nghiên cứu và phát triển sản xuất giống đậu tương DT2008	6		Kết quả nghiên cứu nổi bật Lĩnh vực trồng trọt-				164-171	2015

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
				BVTV giai đoạn 2013-2015. Bộ Nông nghiệp và PTNT. NXB Khoa học và Kỹ thuật.					
20.	Nghiên cứu cải tiến giống đậu tương DT96 bằng chiếu xạ tia gamma (Co^{60}) trên hạt khô	4	Chính	Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam			4 (57)	18-21	2015
21.	Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống hoa đồng tiền bằng phương pháp chiếu xạ in vitro	3	Chính	Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam			4 (57)	30-34	2015
22.	Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống hoa cúc bằng phương pháp chiếu xạ in vitro	3	Chính	Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam			4 (57)	35-39	2015
23.	Ảnh hưởng của liều lượng chiếu xạ tia gamma Co^{60} đến khả năng tạo biến dị có lợi trong chọn tạo giống đậu tương	3	Chính	Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam			2 (9)	5-9	2015
24.	Ảnh hưởng của liều chiếu xạ tia gamma (nguồn Co^{60}) đến sinh trưởng và phát triển của giống hoa đồng tiền (<i>Gerbera jamesonii</i>) in vitro và in vivo	2	Chính	Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam			3 (3)	17-22	2015
25.	Nghiên cứu xây dựng qui trình thâm canh giống đậu tương DT2008 tại tỉnh Sơn La	4	Chính	Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam			7 (60)	52-56	2015

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
26.	Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống đậu tương DT2008ĐB	5		Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về khoa học cây trồng lần thứ hai				488-493	2016
27.	Nghiên cứu xác định thời vụ, mật độ và mức phân bón thích hợp của giống đậu tương DT2008 tại Hà Nội	1	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			22	49-54	2016
28.	Kết quả đánh giá một số dòng đậu tương đột biến triển vọng từ giống DT2008 bằng xử lý chiếu xạ tia gamma (Co ⁶⁰)	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			2	162-165	2016
29.	Nghiên cứu cải tiến giống đậu tương DT26 bằng xử lý chiếu xạ tia gamma trên hạt khô	2	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			1	65-68	2017
30.	Kết quả đánh giá một số dòng đậu tương đột biến triển vọng từ giống DT96 bằng xử lý chiếu xạ tia gamma (Co ⁶⁰)	2	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			1	69-71	2017
31.	Kết quả đánh giá một số dòng đậu tương đột biến triển vọng từ giống DT26 bằng xử lý chiếu xạ tia gamma (Co ⁶⁰)	5		Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			5	19-21	2018
32.	Nghiên cứu cải tiến giống đậu tương DT2008 bằng chiếu xạ tia gamma (Co ⁶⁰) trên hạt nảy mầm	5		Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			5 (102)	39-43	2019
33.	Ảnh hưởng của chiếu	3	Chính	Tạp chí Khoa			12	80-84	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
	xạ tia gamma (Co^{60}) đến khả năng tạo biến dị của giống đậu tương DT2012			học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			(109)		
34.	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác cho các giống đậu tương mới tại Vĩnh Phúc	2	Chính	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			11 (110)	51-56	2020
35.	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác giống đậu tương DT2010 tại Vĩnh Phúc	3	Chính	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			1 (122)	61-66	2021
36.	Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống đậu tương DT218	4	Chính	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			2 (123)	03-07	2021
37.	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh giống đậu tương DT2010 tại Thanh Hoá	3	Chính	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			2 (123)	74-79	2021
38.	Đánh giá tính thích ứng của các giống hoa hồng Bun-ga-ri tại Sa Pa, Lào Cai	3		Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			2 (123)	85-90	2021
39.	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc các giống hoa hồng trồng chậu nhập nội từ Bulgaria tại Ninh Bình	2	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			14	36-42	2021
40.	Study on chrysanthemums breeding by gamma (Co^{60}) irradiation on callus of 4 exotic varieties	3	Chính	International Journal of Agricultural Technology	Scopus (Q4), IF: 0.3		11 (8)	1813-1822	2015

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
41.	Environmental Stability of Elevated α -Linolenic Acid Derived from a Wild Soybean in Three Asian Countries.	11		Agriculture DOI:10.3390/agriculture10030070	Scopus, SCIE (Q1), IF: 2.925, CiteScore: 1.0 (2020)		10 (3)		2020
42.	The GATA Gene Family in <i>Chickpea</i> : Structure Analysis and Transcriptional Responses to Abscissic Acid and Dehydration Treatments Revealed Potential Genes Involved in Drought Adaptation	10	Chính	Journal of Plant Growth Regulation DOI: 10.1007/s00344-020-10201-5	Scopus, SCIE (Q1), IF: 2.672, CiteScore: 4.0 (2020)		39 (4)	1647-1660	2020
43.	Identification, structural characterization, and in silico expression analysis of the sucrose transporter 'SWEET' gene family in peanut (<i>Arachis hypogaea</i>).	10		Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering DOI: 10.31276/VJSTE.62(3).62-67			62 (3)	62-67	2020
44.	Genome-wide Analysis of Aldehyde Dehydrogenase (ALDH) Gene Superfamily in <i>Eucalyptus grandis</i> by Using Bioinformatics Methods	9	Chính	Asian Journal of Plant Sciences DOI: 10.3923/ajps.2021.210.219	Scopus, ISI (Q3), IF: 1.063, CiteScore: 1.5 (2021)		20 (2)		2021

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
45.	Genome-Wide Association Mapping of Salinity Tolerance at the Seedling Stage in a Panel of Vietnamese Landraces Reveals New Valuable QTLs for Salinity Stress Tolerance Breeding in Rice		Chính	Plants Journal DOI: 10.3390/plants10061088	Scopus, SCIE (Q1), IF: 3.935 (2021)		10(6)		2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

1. [40]. Study on chrysanthemums breeding by gamma (Co60) irradiation on callus of 4 exotic varieties. *International Journal of Agricultural Technology*. 11 (8) , 2015, 1813-1822

2. [42]. The GATA Gene Family in Chickpea: Structure Analysis and Transcriptional Responses to Absciscic Acid and Dehydration Treatments Revealed Potential Genes Involved in Drought Adaptation. *Journal of Plant Growth Regulation*. 39 (4), 2020, 1647-1660

3. [44]. Genome-wide Analysis of Aldehyde Dehydrogenase (ALDH) Gene Superfamily in *Eucalyptus grandis* by Using Bioinformatics Methods. *Asian Journal of Plant Sciences*. 20 (2), 2021.

4. [45]. Genome-Wide Association Mapping of Salinity Tolerance at the Seedling Stage in a Panel of Vietnamese Landraces Reveals New Valuable QTLs for Salinity Stress Tolerance Breeding in Rice. *Plants*. Special Issue: "Advances in Cereal Crops Breeding". 10(6), 2021.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1.	Giống hoa cúc CN01 (giống cây trồng mới)	Bộ NN&PTNT	QĐ số 3468/QĐ-BNN-TT ngày 05/11/2007	Đồng tác giả	
2.	Giống hoa cúc CN20 (giống cây trồng mới)	Bộ NN&PTNT	QĐ số 3468/QĐ-BNN-TT ngày 05/11/2007	Đồng tác giả	
3.	Giống hoa Lily Sorbonne (giống chính thức)	Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT	QĐ số 162/QĐ-TT-CLT ngày 04/6/2009	Đồng tác giả	
4.	Giống hoa lan Hồ Điệp HL3 (giống chính thức)	Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT	QĐ số 279/QĐ-TT-CLT ngày 30/7/2009	Đồng tác giả	09
5.	Giống hoa hồng HN9 (giống sản xuất thử)	Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT	QĐ số 235/QĐ-TT-CLT ngày 15/01/2010	Đồng tác giả	04
6.	Giống đậu tương DT2008 (giống chính thức)	Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT	QĐ số 253/QĐ-TT-CLT ngày 27/6/2016	Đồng tác giả	06
7.	Giống đậu tương DT2010 (giống sản xuất thử)	Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT	QĐ số 103/QĐ-TT-CLT ngày 10/5/2018	Đồng tác giả	05
8.	Giống đậu tương đen DT215 (giống tự công bố lưu hành)	Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT	Thông báo số 654/TB-TT-CLT ngày 08/6/2020	Đồng tác giả	04
9.	Kỹ thuật điều khiển giống hoa cúc CN20 ra hoa vào các dịp lễ tết (tiến bộ kỹ thuật cấp Bộ)	Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT	QĐ số 315/QĐ-TT-CLT ngày 01/9/2009	Đồng tác giả	05
10.	Kỹ thuật điều khiển ra hoa trái vụ đối với giống hoa cúc CN01 (tiến bộ kỹ thuật cấp Bộ)	Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT	QĐ số 316/QĐ-TT-CLT ngày 01/9/2009	Đồng tác giả	05

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lê Đức Thảo